

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD
TÂN CẢNG SÓNG THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /BC-ICDST

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700785006
- Vốn điều lệ: 120.086.720.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 120.086.720.000 đồng
- Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Số điện thoại: 0274-3766999

- Số fax: 0274-373 1352

- Website: www.icdsongthan.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có): IST

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 21/12/1995, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ký Quyết định số 710/QĐ-TM thành lập bãi chứa container của Quân cảng Sài Gòn.

- Ngày 21/12/2000, Bộ Tư lệnh Hải quân ký Quyết định số 5967/QĐ-HQ thành lập Điểm thông quan nội địa - ICD Tân Cảng Sóng Thần thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, với ngành nghề kinh doanh xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ cảng biển, kho bãi.

- Tháng 3/2007, Công ty được nâng cấp thành Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần, hạch toán độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trực thuộc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2012, Công ty thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2, bổ sung dịch vụ đại lý hải quan và tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 đồng.

- Ngày 28/12/2015, Công ty thay đổi giấy phép đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

- Công ty thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 2105/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng; Ngày 01/6/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu, từ đó Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần được chính thức chuyển đổi Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785006, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với vốn điều lệ là 120.086.720.000 đồng.

- Ngày 26/08/2016, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần được Ủy



ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5745/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

- Ngày 16/11/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 145/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 12.008.672 cổ phiếu.

- Ngày 08/12/2016, căn cứ quyết định số 800/QĐ-SGDHN, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán IST, với tổng số lượng đăng ký giao dịch là 12.008.672 cổ phiếu.

- Ngày 27/12/2016, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu IST của công ty.

- Ngày 05/01/2017, cổ phiếu IST của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần giao dịch ngày đầu tiên với giá tham chiếu 14.800 đồng/cổ phiếu.

- Ngày 24/04/2020, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785006 thay đổi lần thứ 05 do thay đổi Người đại diện pháp luật.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ than đá).

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

+ Dịch vụ kiểm đếm; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; dịch vụ khai thuê hải quan.

- Địa bàn kinh doanh chính: Bình Dương và các tỉnh Miền Đông Nam bộ.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

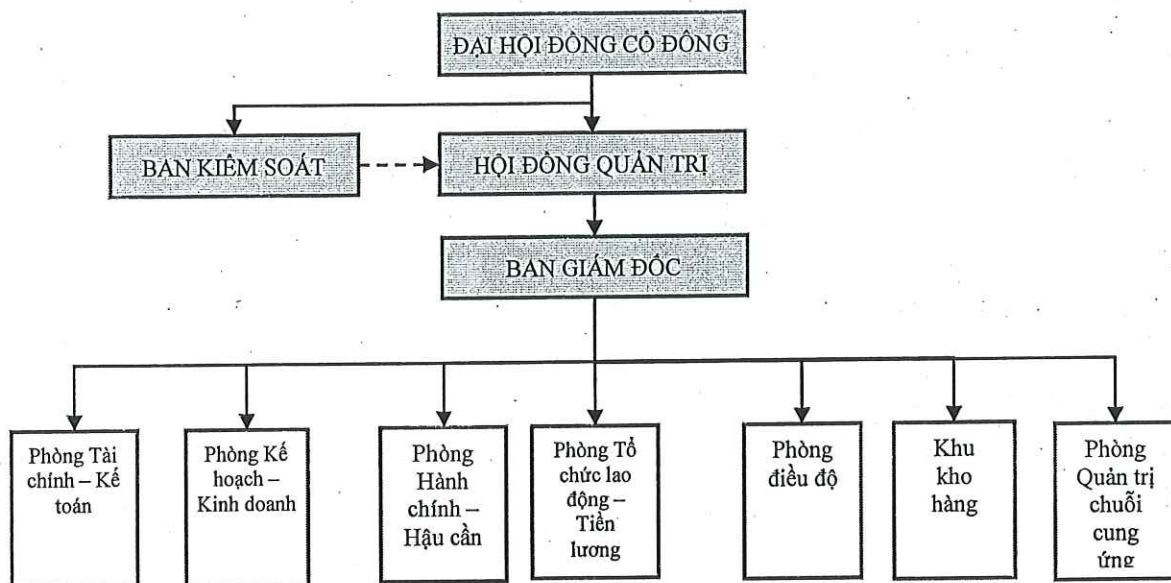
+ Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

+ Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 05 (năm) thành viên (hiện nay có 04), là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Ban kiểm soát (BKS) có 03 (ba) thành viên, thay mặt ĐHCĐ giám sát, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc theo quy định trong Điều lệ công ty, các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ và các văn bản pháp luật.

+ Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty, đứng đầu là Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty liên kết:

T T	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương (BNP)	Đường ĐT 743, KP. Bình Đàng, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Dịch vụ vận tải, kho bãi	11.440.000.000	36,00
2	CTCP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam (Unithai)	Số 16-18-20-24 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải và thuê tàu	951.312.981	20,00

4. Định hướng phát triển:

Khai thác tối đa dịch vụ lõi và dịch vụ GTGT trong ICD, giảm tỷ lệ kho trần, mở rộng phát triển loại hình dịch vụ trung tâm phân phối; trở thành mắt xích quan trọng và là đơn vị chủ trì trong mạng lưới cung cấp dịch vụ Logistics 3PL của TCT tại Bình Dương, phấn đấu phát triển ICDST trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ Logistics tích hợp hàng đầu Việt Nam, góp phần đưa thương hiệu "SNP Logistics" trở thành thương hiệu lớn trong khu vực và trên thế giới; phát huy giá trị truyền thống, giá trị thương hiệu và văn hóa của TCT Tân Cảng Sài Gòn.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế có nhiều biến động phức tạp đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ngày càng nhiều các doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, giá trị thương hiệu lớn gia nhập thị trường Logistics Việt Nam. Rủi ro về việc mất khách hàng nếu không chuẩn hóa và tối ưu hóa chất lượng dịch vụ ngày càng tăng cao.

- Những thay đổi về quy định, chính sách từ các cơ quan quản lý Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So sánh	
					TH/KH	TH 20/19
1	Tổng Doanh thu	285.077	319.120	321.951	101%	113%
1,1	DT Bán hàng	283.731	318.054	317.934	100%	112%
1,2	DT Tài chính	1.238	1.066	3.654	343%	295%
1,3	DT khác	108		364		337%
2	Tổng chi phí	236.802	268.899	271.256	101%	115%
2,1	Giá vốn hàng bán	192.273	213.974	222.167	104%	116%
2,2	CP Tài chính	8.331	14.560	9.997	69%	120%
2,3	CP bán hàng	2.941	2.900	3.421	118%	116%
2,4	CP QL doanh nghiệp	33.206	37.465	35.566	95%	107%
2,5	CP khác	51		105		205%
3	Lợi nhuận trước thuế	48.274	50.221	50.695	101%	105%
4	Lợi nhuận sau thuế	38.698	40.350	41.053	102%	106%

Năm 2020, đón nhận bùng phát dịch bệnh Covid-19 ngay từ đầu năm đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như thị trường logistics và nền kinh tế toàn cầu nói chung, cùng với đó là những vấn đề nội tại của Công ty, tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh của ICDST vẫn cơ bản đảm bảo và đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần
1	Trần Trí Dũng	Giám đốc, thành viên HĐQT	5.800
2	Nguyễn Quang Ngọc	Phó Giám đốc	0
3	Phạm Thanh Sơn	Phó Giám đốc	0
4	Nguyễn Thị Minh Hương	Kế toán trưởng	6.300

Tóm tắt lí lịch Ban điều hành

Ông Trần Trí Dũng – Giám đốc, thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: : 30/05/1981
 Nơi sinh : Thanh Hóa
 Số CCCD : 038081008533
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : SAV2-19.08, The Sun Avenue, 28 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
 Quá trình công tác :

- Từ 2007 - 2008 : Nhân viên Marketing Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 2008 - 2010 : Trợ lý Marketing Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 2010 - 2011 : Phó phòng Kế hoạch – Marketing Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 2011 – 12/2015 : Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 12/2015- 31/05/2016 : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 06/2016 - 03/2017 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 03/2017 - 4/2020 : Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc Marketing, Phòng Marketing, TCT Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 21/4/2020 - nay : Giám đốc Công ty Cổ phần ICD TCST
- Từ 27/6/2020 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần

Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.807.101 cổ phần, chiếm 15.05% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần đại diện nắm giữ của TCT TCSG : 1.801.301 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
 - Cổ phần cá nhân nắm giữ : 5.800 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ : 6.127.123 cổ phần, chiếm 51.02% vốn điều lệ
- Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn : 6.124.423 cổ phần, chiếm 51.00% vốn điều lệ
 - Vợ: Lại Thị Thuỳ : 2.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.02% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Quang Ngọc – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: : 15/05/1966

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 025142693

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : H1 Lê Đức Thọ, P.6, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quân sự

Quá trình công tác :

- Từ 02/1984 - 06/1985 : B2-Chiến sỹ-d28-Sur đoàn 324-QK4
- Từ 07/1985 - 07/1986 : H1-Học viên-c2-d1-TSQLQ 3
- Từ 08/1986 - 07/1988 : H1-Học viên-c2-d1-TSQLQ 3
- Từ 08/1988 - 06/1990 : Bt-c9-d3-Lữ 147-Quân chủng Hải quân
- Từ 07/1990 - 08/1992 : Đại đội phó - Quân Cảng Sài Gòn
- Từ 09/1992 - 07/1996 : Đội trưởng Bảo vệ - Quân Cảng Sài Gòn
- Từ 08/1996 - 08/1999 : Đội trưởng - Xí nghiệp Cát Lái - QCSG
- Từ 09/1999 - 09/2000 : TLHL - P.Bảo vệ - Quân Cảng Sài Gòn
- Từ 10/2000 - 08/2003 : P. Trưởng phòng - P.BV - QCSG
- Từ 09/2003 - 07/2007 : P. Trưởng phòng - P.BV - QCSG
- Từ 08/2008 - 03/2012 : P. Trưởng phòng - P.QSBV - QCSG
- Từ 07/2012 - 04/2013 : P. Trưởng phòng - P.ATPC - QCSG
- Từ 04/2013 - 01/2019 : Trưởng phòng - P.QSBV - QCSG
- Từ 01/2019 - nay : Phó Giám đốc CTCP ICD TCST

Chức vụ hiện tại tại Công ty : Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần đại diện nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
- Cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Ông Phạm Thanh Sơn - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: : 10/01/1983

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 025777648

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 98/17 đường số 8, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ

Quá trình công tác :

- Từ 2006 - 2009 : Nhân viên kế hoạch điều hành Tàu, Terminal-clB, Trung tâm Điều độ, TCT TCSG
- Từ 2009 - 2011 : Nhân viên trực ban sản xuất, Đội TBSX, Trung

- tâm Điều độ, TCT TCSG
- Từ 2011 – 2014 : Phó trưởng Terminal-clB, Trung tâm Điều độ, TCT TCSG
 - Từ 2014 – 2015 : Phó phòng chứng từ và dịch vụ khách hàng, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG
 - Từ 2015 – 2017 : Trưởng phòng Điều hành dịch vụ, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG
 - Từ 2017 – 2019 : Phó Giám đốc, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG
 - Từ 2019 – nay : Phó Giám đốc CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Chức vụ công tác hiện tại : Phó Giám đốc Công ty Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Trong đó:
- Cổ phần đại diện nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 - Cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ : 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Bà Nguyễn Thị Minh Hương – Kế toán trưởng**
- Ngày tháng năm sinh : 09/08/1979
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMND : 025629946
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 105, T2 Lô A4, C/c 1A-1B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM
- Nơi ở hiện tại : Tháp Bora Bora-B20.05, Chung cư Đảo Kim cương, Phường Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Thành phố HCM.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
- Quá trình công tác :
- Từ 09/2001 đến 05/2002 : Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Tung

TÍNH
 HẠN
 C. P.

- Kuang
- Từ 06/2002 đến 04/2010 : Nhân viên kế toán, Cty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 05/2010 đến 11/2015 : Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Cty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 12/2015 – 05/2016 : Trưởng phòng Tài chính kế toán - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 01/06/2016 - nay : Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Kế toán trưởng CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 6.300 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Trong đó:
- Cổ phần đại diện nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 - Cổ phần các nhân nắm giữ : 6.300 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan Công ty : Không
- Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Những thay đổi trong Ban điều hành:
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã ra Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐQT ngày 21/04/2020 về việc miễn nhiệm/ bổ nhiệm Ban điều hành, cụ thể như sau:
- + Miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Sơn thôi giữ chức Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của công ty.
 - + Bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Sơn – thành viên HĐQT, giữ chức danh Chủ tịch HĐQT.
 - + Bổ nhiệm ông Trần Trí Dũng giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
- + Tính đến tháng 12/2020: 153 cán bộ, nhân viên.
 - + Chính sách đối với người lao động tại công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
 - + Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có sự thay đổi.
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a) Các khoản đầu tư lớn:

- **Đầu tư xây dựng:** Trong năm, ICDST không phát sinh hạng mục đầu tư, xây dựng mới.

- **Sửa chữa:** Trong kỳ, ICDST phát sinh một số hạng mục sửa chữa với tổng giá trị là 2.546 triệu đồng, trong đó:

- Cải tạo hạ thấp sân bãi làm hàng theo đề nghị của khách hàng DHL tại kho 21 với kinh phí quyết toán là 835 triệu đồng do DHL chi trả. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn đảm bảo yêu cầu của DHL;

- Sửa chữa, dặm vá bãi container đáp ứng CLDV khai thác bãi rỗng với kinh phí 1.296 triệu đồng. Áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đảm bảo tiến độ, đảm bảo an toàn cho sản xuất;

- Sửa chữa và thay thế hệ máng xối các kho hàng, kinh phí 415 Tr.đồng, chỉ định cho đối tác đã ký hợp đồng nguyên tắc về kiểm soát chống dột toàn công ty.

- **Mua sắm trang thiết bị**

- Theo đề nghị thanh lý hệ thống giá kệ của khách hàng DHL tại kho 20 khi trả lại kho, nhận thấy đây là cơ hội tốt, được sự thông qua và nhất trí của HĐQT, đơn vị đã tổ chức thương thảo, ký kết hợp đồng với DHL mua lại hệ thống giá kệ với giá trị 3.600 triệu đồng (Giảm 17% so với giá chào ban đầu là 4.315 triệu đồng, thấp hơn 14% so với giá của tư vấn định giá).

b) Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chỉ tiêu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168,294	172,232	98%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	717	82	879%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	167,577	172,150	97%
4. Giá vốn hàng bán	159,231	162,964	98%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	8,346	9,186	91%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	901	915	98%
7. Chi phí tài chính	755	826	91%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	752	824	91%
8. Chi phí bán hàng	0	0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,065	2,292	90%

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	6,427	6,984	92%
11. Thu nhập khác	5,099	544	937%
12. Chi phí khác	6,278	189	3.324%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	-1,179	355	-332%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	5,248	7,339	72%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	698	698	100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	4,550	6,641	69%

- Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chỉ tiêu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,102	12,104	91.72%
2. Các khoản giảm trừ	0.00	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	11,102	12,104	91.72%
4. Giá vốn hàng bán	6,751	7,175	94.09%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	4,352	4,929	88.29%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	90	54	167.20%
7. Chi phí tài chính	16	45	34.54%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	0	0	
8. Chi phí bán hàng	0	0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,893	3,337	86.71%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	1,533	1,601	95.73%
11. Thu nhập khác	0	0	
12. Chi phí khác	0	0	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	0	0	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	1,533	1,601	95.73%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	217	314	69.17%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	1,315	1,287	102.22%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	510.563	507.262	0,65%

Doanh thu thuần	283.731	317.934	12,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.218	50.436	4,6%
Lợi nhuận khác	56	259	362,5%
Lợi nhuận trước thuế	48.274	50.695	5,02%
Lợi nhuận sau thuế	38.698	41.053	6,09%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55,86%	74,37%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.87	0.80	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.87	0.80	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.97	1.79	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.56	0.63	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.14	0.13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.23	0.23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.09	0.08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.17	0.16	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.008.672 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.339.417 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 4.669.255 cổ phần
- Công ty không có chứng khoán lưu hành tại nước ngoài, không bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo tỉ lệ sở hữu

Danh mục	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn	12.008.672	120.086.720.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết	10.477.778	104.777.780.000	87,25%

Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.530.894	15.308.940.000	12,75%
---	-----------	----------------	--------

Theo cổ đông lớn và cổ đông cá nhân

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.124.423	51.00%
2	Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	4.353.355	36.25%
3	American LLC	11.300	0,09%
4	Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	473.524	3,94%

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

- Cổ đông trong nước: 234 cổ đông

- Cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông

Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỉ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	6.124.423	51%
2	Cổ đông khác	5.884.249	49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không phát sinh.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không phát sinh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện): 4.686.784 kwh/năm, trong đó:

+ Sản lượng điện tiêu thụ thông thường: 4.208.250 kwh/năm;

+ Sản lượng điện tiêu thụ dựa trên các tấm điện năng lượng mặt trời: 478.534 kwh/năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không phát sinh.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không phát sinh.

6.3. Tiêu thụ nước: 53.865 m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các

quy định về môi trường: không phát sinh.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động:

+ Cán bộ công nhân viên: 147 người;

+ Người quản lý (CT HĐQT, TKBS, BGĐ, KTT): 6 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Cán bộ công nhân viên: 19,737 triệu đồng;

+ Viên chức quản lý: 58,82 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ làm việc và đồ dùng bảo hộ lao động;

- Chính sách khám, chữa bệnh định kì được duy trì nhằm đảm bảo người lao động đủ điều kiện về sức khỏe để tham gia lao động;

- Chế độ tham quan, du lịch, các chế độ hiếu, hỉ, trợ cấp ốm đau, thai sản...;

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;

- Tham gia các hội thao tay nghề giỏi do SNP tổ chức/ phát động;

- Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân dịp ngày lễ và ngày kỉ niệm thành lập công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2020, công ty đã phối hợp cùng một số đơn vị tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn cho cán bộ công nhân viên với mục tiêu nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu mới của khách hàng cũng như cập nhật những thay đổi trong chính sách pháp luật. Chi tiết các khóa đào tạo:

TT	KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG THAM GIA	SỐ TIẾT HỌC
1	Khóa Đào tạo khóa Incoterms 2020	Phòng KHKD	3	8
2	Kỹ năng quản trị dành cho Cán bộ	Phòng TCLĐTL	1	5 tháng
3	Khóa học ôn tập và thi chứng chỉ kế toán viên hành nghề	Trưởng ban kiểm soát	1	16
4	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3, nhóm 4	Các phòng/khu	43	8
5	Tập huấn Bộ luật lao động sửa đổi và tối ưu hóa CPTL 2020	Phòng TCLĐTL	4	16
6	Huấn luyện 5KTCC	Các phòng/khu	35	4
7	Khóa đầu thầu qua mạng	Phòng KHKD	1	8
8	Hội thao tay nghề	Các phòng/khu	25	4
9	Cập nhật chính sách Thuế	Phòng TCKT	5	8

	mới tại BD			
10	Đào tạo quản lý, sd hóa đơn và cập nhật chính sách Thuế, HĐLĐ, tiền lương, Tiền lương đóng BHXH 2020	Các phòng/khu	39	8

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- NLĐ đơn vị tự nguyện đóng góp kinh phí vào Quỹ “Xã hội từ thiện” của TCT; đóng góp kinh phí phục vụ công tác phòng, chữa bệnh Covid – 19.
- Triển khai chương trình “Chung tay vượt qua Covid – 19” tặng quà cho công nhân các đơn vị, HTX vệ tinh, phối hợp UB MTTQ P. Bình Hòa, tặng cho công nhân, gia đình khó khăn bị ảnh hưởng bởi Covid – 19, hỗ trợ P. Bình Hòa trong thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa.
- Vận động 100% NLĐ nhắn tin “Tri ân liệt sĩ”.
- Chúc thọ bố, mẹ NLĐ, thăm, chúc Tết, chúc thọ, phụng dưỡng mẹ VNAH, thân nhân LS; thăm tặng quà gia đình NLĐ có hoàn cảnh đặc biệt.
- Tổ chức về nguồn cho 14 con LS, NLĐ được khen thưởng thành tích cao...
- Nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập, công ty đã trích quỹ tặng 100 triệu đồng cho Quỹ vì người nghèo Thành phố Thuận An và 20 triệu đồng cho quỹ vì người nghèo phường Bình Hòa.
- Công ty được TP Thuận An tặng Giấy khen Công tác Dân vận.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 là một năm đầy thử thách khi bối cảnh nền kinh tế và an ninh thế giới đón nhận bùng phát dịch bệnh Covid-19 xuất phát từ châu Á và lan rộng ra khắp trên toàn Thế giới. Dịch bệnh đã kéo dài và bùng phát nhiều đợt cao điểm dẫn đến các Quốc gia trên toàn thế giới đã ban bố tình trạng khẩn cấp và phong tỏa các đường biên giới, nền kinh tế cũng đã bị ảnh hưởng rất nặng nề.

Tại Việt Nam, với sự vào cuộc toàn diện của Chính Phủ, dịch bệnh tại VN đã được kiểm soát tốt, tạo nên môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước hoạt động có phần ổn định, tuy nhiên không tránh khỏi thiệt hại bởi tác động của nền kinh tế bên ngoài nước.

Tại Công ty, ngay từ đầu năm, sau khi dịch bệnh bùng phát, công ty đã bỏ lỡ nhiều hợp đồng kinh tế đã được đưa vào kế hoạch SXKD, một số dịch vụ đã gặp khó khăn như: dịch vụ Bãi container, sản lượng luân chuyển giảm hơn 40%; dịch vụ vận tải tuy đạt và vượt kế hoạch đề ra nhưng số lượng khách hàng phát triển thêm trong năm không đáng kể, ngoài ra còn một số dịch vụ đã đặt ra mục tiêu nên không đảm bảo thành công, đứng trước nguy cơ không hoàn thành kế hoạch, Ban Giám đốc công ty đã luôn bám sát các chỉ đạo của HĐQT và có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược kinh doanh nhằm đưa hoạt

động SXKD về đúng quỹ đạo và đã cơ bản đảm bảo đạt và hoàn thành kế hoạch SXKD đã trình thông qua Đại hội đồng Cổ đông cụ thể

➤ **Tổng doanh thu** đạt 321.951 triệu đồng, tăng 1% so với kế hoạch đề ra và tăng hơn 13% so với cùng kì năm 2019. Trong cơ cấu doanh thu:

(i) *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: đạt 317.934 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu doanh thu các mảng dịch vụ:

- *Doanh thu từ kho (cho thuê và các dịch vụ trong kho)*: vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất, đóng góp 62% trong tổng doanh thu bán hàng, đạt 196.866 triệu đồng. Trong đó:

- ✓ *Doanh thu cho thuê kho*: với chính sách tăng đơn giá và thay đổi một số khách hàng có giá thuê kho cao hơn, doanh thu thuê kho đạt 154.195 triệu đồng, tăng tương ứng 4% so với kế hoạch năm (KH 148.332 triệu đồng), 8% so với cùng kỳ năm 2019 (TH 2019 đạt 143.291 triệu đồng).

- ✓ *Doanh thu dịch vụ kho*: trong kì, các dịch vụ kho đóng góp 42.671 triệu đồng doanh thu. Mặc dù giá trị có tăng nhẹ so với cùng kì năm trước, tuy nhiên, thực hiện chỉ đạt 82% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính là do công ty không có doanh thu từ các dịch vụ tại kho ITL (bảo vệ, bốc xếp, cho thuê xe nâng,...) như kế hoạch đã xây dựng là 8.257 triệu đồng.

- *Doanh thu từ bãi (cho thuê và các dịch vụ tại bãi)*: Do sản lượng giảm vì ảnh hưởng của dịch Covid 19 và chậm triển khai thu phí quản lý container ra/vào cổng, theo đó, doanh thu từ bãi chỉ đạt 17.994 triệu đồng, tương đương 50% so với kế hoạch đề ra (KH 36.204 triệu đồng).

- *Doanh thu vận tải và ĐLHQ*: Bên cạnh các khách hàng hiện hữu, từ cuối năm 2019, ICDST đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho một số khách hàng mới tại khu vực Bình Dương, Đồng Nai... theo đó, doanh thu vận tải và ĐLHQ đạt 66.465 triệu đồng, tăng 41% so với kế hoạch năm 2020 (KH 47.125 triệu đồng) và 64% so với cùng kì năm 2019.

- *Doanh thu bên ngoài (gồm thu từ mua bán cước thuê kho tại quận 12, dịch vụ bãi kiểm hóa tập trung tại Quốc lộ 13)*: Hợp đồng chấm dứt từ đầu năm 2020, theo đó, không ghi nhận khoản doanh thu này (KH xây dựng là 3.340 triệu đồng).

- *Doanh thu khác*: đạt 26.698 triệu đồng, tăng 24% kế hoạch năm 2020 và 20% so với cùng kì năm 2019.

- *Doanh thu từ BCC*: đảm bảo theo kế hoạch đề ra, đạt 9.911 triệu đồng.

+ *Doanh thu tài chính*: Trong kì công ty ghi nhận 3.654 triệu đồng doanh thu tài chính. Trong đó:

- Cổ tức từ BNP: 2.916 triệu đồng.

- Cổ tức từ Unithai Maruzen Logistics Việt Nam: 462 triệu đồng.

- Các khoản thu từ lãi tiền gửi Ngân hàng 276 triệu đồng.

➤ **Tổng chi phí**: Tổng chi phí năm 2020 đạt 271.256 triệu đồng, tăng 1% so với kế hoạch đề ra và tăng xấp xỉ 15% so với cùng kì năm 2019. Trong cơ cấu chi phí:

• Giá vốn hàng bán: đạt 222.167 triệu đồng. Bên cạnh các khoản chi phí dịch vụ tương ứng doanh thu, trong năm 2020, ICDST tăng cường các hạng mục sửa chữa kho hàng, các phương tiện, trang thiết bị vận hành,... theo đó, giá vốn hàng bán tăng khoảng 4% so với kế hoạch năm (KH 213.974 triệu đồng).

• Chi phí tài chính: Bên cạnh việc tắt toán một số khoản vay trước hạn giúp giảm chi phí lãi vay, thì lãi suất cũng như số tiền giải ngân cho kho mới giảm so với kế hoạch (TH 5.776 triệu đồng/ 30.000 triệu đồng), theo đó, chi phí lãi vay trong kì giảm mạnh, đạt 69% so với kế hoạch (TH 9.997 triệu đồng/ KH 14.560 triệu đồng). Tuy nhiên, so sánh cùng kì năm trước, do tăng chi phí lãi vay kho mới, theo đó khoản mục chi phí này tăng hơn 20%.

• Chi phí bán hàng: Trong kì, ICDST triển khai một số hoạt động kỉ niệm 20 năm ngày truyền thống của đơn vị, theo đó, chi phí bán hàng tăng nhẹ so với dự kiến, đạt 3.421 triệu đồng (KH 2.900 triệu đồng).

➤ **Lợi nhuận:**

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 50.695 triệu đồng, tăng 1% so với kế hoạch năm 2020 (KH 50.221 triệu đồng), tăng xấp xỉ 5% so với cùng kì năm 2019.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 41.053 triệu đồng, tăng 2% so với kế hoạch năm 2020 (KH 40.350 triệu đồng), tăng xấp xỉ 6% so với cùng kì năm 2019.

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE): 23,05%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 8,12%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

a1) Tài sản ngắn hạn:

Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	109.554.567.962	111.936.533.843
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	32.556.105.957	37.329.578.979
1.	Tiền	111	26.856.105.957	31.629.578.979
2.	Các khoản tương đương tiền	112	5.700.000.000	5.700.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	75.633.152.149	71.919.652.047
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	53.717.342.488	50.913.333.102
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	209.461.000	2.902.959.121
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-

5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	22.930.015.507	19.389.317.583
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.223.666.846)	(1.285.957.759)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	-	-
1.	Hàng tồn kho	141	-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	1.365.309.856	2.687.302.817
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	693.578.638	2.687.302.817
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	671.731.218	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

a2) Tài sản dài hạn

Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	397.707.770.221	398.626.358.800
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	45.290.475.915	50.870.532.903
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	45.290.475.915	50.870.532.903
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	238.849.227.785	282.866.561.830
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	238.708.672.233	282.514.617.388
	<i>Nguyên giá</i>	222	429.557.646.316	435.322.702.900
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(190.848.974.083)	(152.808.085.512)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	140.555.552	351.944.442
	<i>Nguyên giá</i>	228	5.251.521.818	5.251.521.818
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(5.110.966.266)	(4.899.577.376)
III.	Bất động sản đầu tư	230	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	66.000.000	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	66.000.000	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	18.847.773.081	18.847.773.081
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-

2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12.391.312.981	12.391.312.981
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.456.460.100	6.456.460.100
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	94.654.293.440	46.041.490.986
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	94.654.293.440	46.041.490.986
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300	325.362.867.139	338.670.761.992
I.	Nợ ngắn hạn	310	136.678.472.610	128.696.373.810
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	71.789.589.390	36.643.534.640
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.200.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	110.371.120	1.676.373.611
4.	Phải trả người lao động	314	13.338.444.287	9.888.394.685
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.590.060.791	36.937.467.592
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	365.379.300
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	12.803.883.923	12.915.255.470
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.520.000.000	29.464.420.804
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.523.923.099	805.547.708
13.	Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	188.684.394.529	209.974.388.182
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	105.702.489.050	107.691.297.276
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	82.981.905.479	102.283.090.906
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-

13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
-----	--------------------------------------	-----	---	---

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2020, ICDST thay đổi mô hình hoạt động của HĐQT, BKS. Theo đó, Chủ tịch HĐQT (kể từ tháng 05/2020) và Trưởng BKS (Sau ĐHCĐ thường niên năm 2020) làm việc chuyên trách toàn thời gian tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	TH 2020 (Tr đồng)	KH 2021 (Tr đồng)	KH/TH (%)
1	Vốn điều lệ	120.087	120.087	100%
2	Vốn chủ sở hữu	181.899	196.109	107,8%
3	Tổng doanh thu	321.952	339.584	105,5%
4	Tổng chi phí	271.256	286.388	105,6%
5	Tổng LN trước thuế	50.695	53.196	104,9%
6	Tổng LN sau thuế	41.053	42.741	104,1%
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	34,2%	35,6%	104,1%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	23,2%	22,6%	96,5%
9	Cổ tức dự kiến chia	34%	24%	70,6%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không phát sinh.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn thực hiện tốt, đảm bảo các chỉ số yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan. Định kỳ, công ty sử dụng đơn vị độc lập để kiểm định, đưa ra đánh giá khách quan và có biện pháp khắc phục ngay trong trường hợp môi trường không đảm bảo. Hệ thống điện năng lượng mặt trời được đưa vào khai thác góp phần thực hiện mục tiêu thay thế dần bằng các nguồn năng lượng sạch trong sản xuất.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2020, các chỉ tiêu về lợi nhuận và năng suất lao động đạt kế hoạch đề ra nên đơn vị đảm bảo chế độ tiền lương cho người lao động, thực hiện chi lương, thưởng, các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và phúc lợi cho người lao động đúng, đủ, theo quy định Công ty và pháp luật.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các công tác dân vận tuyên truyền, các chính sách an sinh xã hội, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống cho người dân ở địa phương nơi công ty có trụ sở.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Công ty chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, các chế độ quy định. Trong năm không có tranh chấp, vi phạm pháp luật.

- Công ty chấp hành nghiêm chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính cũng như các quy định quản lý tài chính đối với công ty có vốn góp Nhà nước. Công tác tài chính lành mạnh, hạch toán kế toán trung thực, hợp lý; đảm bảo các chỉ tiêu bảo toàn và phát triển vốn. Công tác thu hồi công nợ cũng được đẩy mạnh để đảm bảo cân đối dòng tiền hoạt động cho công ty.

- Công ty tiếp tục áp dụng và hoàn thiện quy trình kiểm soát người và phương tiện ra vào cổng nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn đơn vị. Ngoài ra, công ty đã yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ tuân thủ đúng các quy định về an toàn lao động trong kho hàng, đảm bảo không xảy ra tình trạng mất an toàn lao động.

- Năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Công ty đã thường xuyên chủ động thông báo, tuyên truyền, kiểm soát đến các Khách hàng, thực hiện đầy đủ và thường xuyên các biện pháp phòng ngừa: duy trì đeo khẩu trang, đo thân nhiệt bằng nhiệt kế cầm tay cho CB, CNV, NLĐ, các khách hàng vào làm việc trong Công ty; thường xuyên bổ sung dung dịch sát khuẩn, nước rửa tay; phun thuốc diệt côn trùng, thuốc khử khuẩn tại khu vực nhà nghỉ, văn phòng cơ quan, các chốt bảo vệ.

- Công ty làm tốt công tác vệ sinh, môi trường; Dự án điện năng lượng mặt trời tiếp tục được đưa vào khai thác, không những góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp công ty giảm chi phí sử dụng điện.

- Công ty đã triển khai tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật nhằm hoàn thiện tổ chức biên chế của đơn vị, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện trích và chi lương đảm bảo tuân thủ theo quy định trong toàn hệ thống TCT; Thực hiện các quy định về thu nộp BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ, kịp thời.

- Các Tổ chức quần chúng của công ty hoạt động hiệu quả, thường xuyên phối hợp với các tổ chức quần chúng địa phương, TCT Tân Cảng Sài Gòn/ Quân chủng Hải quân/ Bộ Quốc Phòng tổ chức các hoạt động dân vận, quân vận, xã hội, từ thiện góp phần nâng cao trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng của công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Căn cứ Báo cáo của Ban Giám đốc và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, HĐQT ghi nhận kết quả hoạt động của Ban Giám đốc trong năm 2020 như sau:

Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong đó:

- Kết quả sản xuất kinh doanh cơ bản hoàn thành theo kế hoạch được Đại hội cổ đông phê duyệt.

- Công tác tài chính hiệu quả. Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán của Việt Nam và các quy định hiện hành, đảm bảo thời hạn công bố thông tin theo đúng quy định.

Bên cạnh một số mặt tích cực, công ty vẫn còn tồn tại một số vấn đề, cụ thể như sau:

- + Công ty chưa thu hồi được các khoản nợ khó đòi.
- + Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ còn hạn chế.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện và ban hành hệ thống các văn bản pháp lý nội bộ của Công ty nhằm tạo hành lang pháp lý trong hoạt động SXKD, tăng cường quản trị doanh nghiệp.

- Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác thị trường, phát triển khách hàng và dịch vụ mới, đề ra các giải pháp, lộ trình cụ thể để mở rộng các dịch vụ GTGT, tăng tỷ lệ các kho dịch vụ phù hợp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật; tăng cường kết nối hệ thống để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 đề ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỉ lệ đại diện nắm giữ cổ phần tại 31/12/2020
1	Ông Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch	36.00%
2	Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	29.00%
3	Ông Trần Trí Dũng	Thành viên	15.00%
4	Ông Thành Quang Vinh	Thành viên	7.25%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp định kì, đột xuất dưới các hình thức khác nhau nhằm có những chỉ đạo kịp thời, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo hiệu quả cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Yêu cầu BGD báo cáo, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ quý, bán niên, năm; Xem xét, thông qua các giải pháp nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả và năng suất lao động.

- Đối với hoạt động đầu tư: Yêu cầu BGD thường xuyên báo cáo tiến độ triển khai các dự án đầu tư, mua sắm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Yêu cầu BGD báo cáo hiệu quả thực hiện đầu tư hệ thống giá kệ tại kho 20 cho khách hàng FES.

- Đối với công tác tài chính: Giám sát, quản lý chặt chi phí; Thường xuyên cập nhật các chỉ số tài chính của công ty để đánh giá chính xác sức khỏe tài chính của công ty. Phê duyệt các gói vay vốn theo đúng thẩm quyền. Giám sát, yêu cầu BDH thường xuyên báo cáo tình hình vay nợ, sử dụng các đòn bẩy tài chính; Rút kinh nghiệm, lành mạnh hóa trong công tác tài chính thông qua các

đợt kiểm toán.

- Đối với tổ chức biên chế: Triển khai thực hiện theo mô hình tổ chức biên chế mới, theo đó Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS làm việc chuyên trách tại Công ty; đồng thời bổ sung nhân sự HĐQT và Ban Giám đốc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

- Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Ngày	Nội dung
1	24/02/2020	- Thông qua về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2	10/03/2020	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, dự kiến kế hoạch năm 2020; - Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
3	10/03/2020	- Thông qua đề xuất miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty và đề cử nhân sự cho các chức danh này.
4	21/04/2020	- Thông qua miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Ngô Trọng Phán và Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Thành Sơn; - Thông qua bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Thành Sơn và Giám đốc Công ty đối với ông Trần Trí Dũng.
5	05/05/2020	- Thông qua hủy kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 16/03/2020 để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như đã thông báo tại thông báo số 49/TB-ICDST ngày 24/02/2020; - Thông qua thay đổi ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ngày 26/05/2020).
6	22/06/2020	- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2020, dự kiến 6 tháng đầu năm 2020; - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; - Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
7	04/11/2020	- Thông qua kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
8	16/11/2020	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2020, kế hoạch Quý IV năm 2020; - Thông qua chủ trương sửa chữa, cải tạo hạng mục thêm dock làm hàng kho; - Thông qua Biểu giá dịch vụ và biểu phí sản xuất; - Thông qua chủ trương về việc tuyển dụng nhân sự năm 2020.
9	11/12/2020	- Thông qua dự kiến kinh phí đảm bảo cho hoạt động kỷ niệm 20 năm ngày truyền thống Công ty (21/12/2000 – 21/12/2020).

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các

tiêu ban trong Hội đồng quản trị: Không phát sinh.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không phát sinh.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2020
1	Ông Nguyễn Việt Hưng	Trưởng ban	0.00%
2	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Thành viên	0.00%
3	Ông Hồ Hải Đăng	Thành viên	0.10%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2020 theo quy định bao gồm các công việc sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của công ty trong việc quản trị và điều hành công ty.

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát dựa trên Điều lệ có sửa đổi của công ty.

- Viết báo cáo giám sát về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó nêu ra những hạn chế, những tồn tại và giải pháp khắc phục cho vấn đề hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện chức năng kiểm tra giám sát, rà soát đánh giá một cách độc lập, khách quan tình hình thực hiện thanh lý tài sản của công ty. Trong đó chỉ ra các vấn đề chưa hợp lý khi triển khai thực hiện.

- Thông qua việc tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT, Ban kiểm soát đã giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật của công ty trong quản trị điều hành. Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến cho việc xây dựng bộ máy điều hành và hoạt động hiệu quả trong Công ty.

- Kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	HDQT, BGD, BKS, KTT							
		Chức danh	Tháng công tác	Tổng lương	Tổng thưởng (Kỳ 1th lương)	Phụ cấp kiêm nhiệm (Đang...)	Thưởng từ quỹ thưởng NQL	Thù lao	Tổng thu nhập
A Hội đồng quản trị									
1	Nguyễn Thành Sơn	TV HDQT kiêm Giám đốc	4	168.583.750	72.942.703	2.264.800	5.000.000	13.200.000	261.991.253
		Chủ tịch HDQT	8	450.593.896	429.408.981	4.529.600	20.000.000	-	904.532.477
2	Trần Trí Dũng	Giám đốc	8	349.546.484	262.826.183	3.659.440	20.000.000	-	636.032.107
		TV HDQT	6	-	-	-	-	19.800.000	19.800.000
3	Nguyễn Sơn	Phó CT HDQT	12	-	-	-	-	50.400.000	50.400.000
4	Thành Quang Vinh	TV HDQT	12	-	-	-	-	39.600.000	39.600.000
5	Ngô Trọng Phán	Chủ tịch HDQT	4	-	-	-	-	21.000.000	21.000.000
		TV HDQT	2	-	-	-	-	6.600.000	6.600.000
6	Nguyễn Đức Anh	TV HDQT	6	-	-	-	-	19.800.000	19.800.000
B Ban Giám đốc									
1	Nguyễn Quang Ngọc	Phó Giám đốc	12	505.020.011	362.234.555	4.130.280	25.000.000	-	896.384.846
2	Phạm Thanh Sơn	Phó Giám đốc	12	411.692.837	305.092.616	4.130.280	25.000.000	-	745.915.732
C Ban kiểm soát									
1	Nguyễn Việt Hưng	Trưởng BKS	6	173.177.911	150.798.448	-	20.000.000	-	343.976.358
2	Hồ Hải Đăng	TV BKS	12	-	-	-	-	27.000.000	27.000.000
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS	6	-	-	-	-	13.500.000	13.500.000
4	Trần Thị Ngọc Mai	Trưởng BKS	6	-	-	-	-	19.800.000	19.800.000
5	Nguyễn Thị Bạch Cúc	TV BKS	6	-	-	-	-	13.500.000	13.500.000
D Kế toán trưởng									
1	Nguyễn Thị Minh Hương	TP. TCKT - KTT	12	321.634.314	248.602.632	4.130.280	25.000.000	-	599.367.226
TỔNG CỘNG				2.380.249.203	1.831.906.117	22.844.680	140.000.000	244.200.000	4.619.200.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đảm bảo thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là "Công ty"), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội

bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên; bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP ICD Tân Cảng Sóng Thần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Toàn văn chi tiết của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ: www.icdsongthan.com.vn.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, KHKD. Đ5.



GIÁM ĐỐC

Trần Trí Dũng

